

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10-5-2024.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đào Thị Ngâm;

Ông Trần Đại Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đức Vũ Tài, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Cao Tấn Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 521/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1963;

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1961;

Cùng cư trú tại: khu phố N, Phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Bà A có mặt; ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn ngày 09/11/2023 và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn từ năm 1980, có đăng ký kết hôn nhưng do bảo lứt mất giấy chứng nhận kết hôn nên đến tháng 10/2023 thì đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân Phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; ông C gia trưởng, thường xuyên uống rượu say doạ nạt, chửi bới, đánh bà. Năm 2020, mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Chính quyền địa phương đã hoà giải nhưng không thành. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Minh C, sinh năm 1982 và Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1985. Các con đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn. Về con chung: Các con đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Minh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A và bị đơn ông Nguyễn Minh C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 1980 nhưng do giấy chứng nhận kết hôn bị mất nên đăng ký lại vào tháng 10/2023 tại Ủy ban nhân dân Phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; năm 2020, mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, chính quyền địa phương đã hoà giải nhưng không thành. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng không thể khắc phục được dẫn đến hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều

56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Minh C, sinh năm 1982 và Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1985. Các con đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Minh C.

2. Về nuôi con chung: Hai con chung đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị A tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai số 0012740 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND Phường K, TP. T;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa

